

BIỂU LÃI SUẤT ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

(Theo quyết định số 298/2019/QĐ-TGD ngày 14/05/2019 của Tổng giám đốc)

| STT | NỘI DUNG | LÃI SUẤT |
|------------|---|------------|
| I | LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM | |
| 1 | Khách hàng có Tài sản bảo đảm là 100% Giấy tờ có giá do VPBank phát hành | 16 %/năm |
| 2 | Khách hàng có Tài sản bảo đảm khác được VPBank chấp nhận (không phải 100% Giấy tờ có giá do VPBank phát hành) | |
| a) | <i>Thẻ tín dụng quốc tế Business Credit</i> | 20 %/năm |
| b) | <i>Thẻ tín dụng quốc tế Business Platinum</i> | 18 %/năm |
| II | LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ KHÔNG CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM | |
| 1 | Thẻ tín dụng quốc tế Business Credit | |
| a) | <i>Khách hàng Micro SME</i> | 29.5 %/năm |
| b) | <i>Khách hàng Small/Middle SME</i> | 28.5 %/năm |
| 2 | Thẻ tín dụng quốc tế Business Platinum | |
| a) | <i>Khách hàng Micro SME</i> | 29.5 %/năm |
| b) | <i>Khách hàng Small/Middle SME</i> | 26.5 %/năm |
| III | LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ ĐẶC THÙ | |
| 1 | Thẻ tín dụng quốc tế dành cho nhóm khách hàng Grab taxi | 16 %/năm |
| 2 | Thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu VESA hạng Platinum | 27 %/năm |
| 3 | Thẻ tín dụng quốc tế dành cho phân khúc KHDN nữ SME WE Card | 27 %/năm |
| 4 | Thẻ tín dụng quốc tế dành cho đối tượng Khách hàng sử dụng Ngân sách Nhà nước | 29.5 %/năm |
| 5 | Thẻ tín dụng quốc tế dành cho KH có tiền gửi tại VPBank | 29.5 %/năm |

Biểu lãi suất này có hiệu lực từ ngày 25/05/2019

Ghi chú chung:

- Tiền lãi Thẻ tín dụng được tính trên cơ sở một năm là **365 ngày**
- Lãi suất tính lãi: Được tính theo tỷ lệ %/năm (X %/năm) theo phương pháp tính lãi "tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi"
- Tùy thuộc vào từng loại Thẻ tín dụng, Lãi suất Thẻ tín dụng có thể được điều chỉnh căn cứ vào yếu tố thị trường, chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Mức lãi suất điều chỉnh được tính theo công thức sau:

- Lãi suất điều chỉnh bằng (=) Lãi suất thẻ hiện đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) Một mức lãi suất tăng thêm cụ thể (được Ngân hàng công bố công khai trên website chính thức của Ngân hàng từng thời kỳ).